

(Traduction vietnamienne non officielle)

Deuxième session, quarante et unième législature,
62-63-64 Elizabeth II, 2013-2014-2015

Quốc Hội Thứ 41, Phiên Họp Thứ Hai
62-63-64 Elizabeth II, 2013-2014-2015

LOIS DU CANADA (2015)

ĐẠO LUẬT QUY ĐỊNH CỦA CANADA

CHAPITRE 14

CHƯƠNG 14

Loi instituant une journée nationale de commémoration de l'exode des réfugiés vietnamiens et de leur accueil au Canada après la chute de Saïgon et la fin de la guerre du Vietnam

Một Đạo Luật tôn trọng ngày lễ quốc gia để kỷ niệm cuộc di cư của người tị nạn Việt Nam và được chấp thuận định cư tại Canada sau khi Sài Gòn sụp đổ và chiến tranh Việt Nam kết thúc

SANCTIONNÉE

LE 23 AVRIL 2015

PROJET DE LOI S-219

PHÊ CHUẨN THÀNH

NGÀY 23 THÁNG TƯ, 2015

ĐẠO LUẬT

SOMMAIRE

Le texte désigne le 30 avril comme « Journée du Parcours vers la liberté »

TÓM LƯỢC

Ban hành đạo luật chỉ định ngày ba mươi tháng tư mỗi năm là "Ngày Hành Trình Tìm Tự Do".

 CHAPITRE 14

 CHƯƠNG 14

Loi instituant une journée nationale de commémoration de l'exode des réfugiés vietnamiens et de leur accueil au Canada après la chute de Saïgon et la fin de la guerre du Vietnam

Một Đạo Luật tôn trọng ngày lễ quốc gia để kỷ niệm cuộc di cư của người tị nạn Việt Nam và được chấp thuận định cư tại Canada sau khi Sài Gòn sụp đổ và chiến tranh Việt Nam kết thúc

[Sanctionnée le 23 avril 2015]

[Phê chuẩn ngày 23 tháng 4 năm 2015]

Preamble

Attendu :

Lời mở đầu

que les Forces canadiennes ont pris part à la guerre du Vietnam dans le cadre d'opérations de surveillance menées pour appuyer l'objectif de rétablir la paix et de mettre fin à la guerre du Vietnam, en aidant à assurer le respect des Accords de paix de Paris de 1973;

Xét rằng, Quân Đội Canada đã tham gia vào Chiến Tranh Việt Nam với các hoạt động giám sát để hỗ trợ mục tiêu thiết lập hòa bình và chấm dứt Chiến Tranh Việt Nam qua việc trợ giúp thi hành Hiệp Định Paris 1973;

que le 30 avril 1975, malgré les Accords de paix de Paris, les forces militaires de l'Armée populaire vietnamienne et du Front national de libération ont envahi le Vietnam du Sud, ce qui a entraîné la chute de Saïgon, la fin de la guerre du Vietnam et l'établissement du gouvernement de la République socialiste du Vietnam;

Xét rằng, vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, bất chấp Hiệp Định Hòa Bình Paris, các lực lượng quân sự của Quân Đội Nhân Dân Việt Nam và Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia đã xâm lăng Miền Nam Việt Nam, dẫn đến sự sụp đổ Sài Gòn, kết thúc chiến tranh Việt Nam và thiết lập Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa;

que, selon le Haut Commissariat des Nations Unies pour les réfugiés, ces événements ainsi que la situation vécue par les gens du Vietnam, notamment la détérioration des conditions de vie et les violations des droits de la personne, ont contribué à l'exode de quelque 840 000 d'entre eux — appelés à l'époque les « réfugiés de la mer vietnamiens » — vers les pays voisins au cours des années qui ont suivi;

Xét rằng, Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc đã báo cáo về những sự kiện này và tình trạng phải đương đầu bởi dân chúng Việt Nam, bao gồm các điều kiện sinh sống bị suy sụp cùng vi phạm nhân quyền, là nguyên nhân gây ra cuộc di cư của khoảng 840,000 người Việt Nam — vào lúc đó những người này được nhắc đến dưới tên gọi “thuyền nhân Việt Nam” - đến các nước láng giềng trong những năm tiếp theo;

que, d'après un rapport du Haut Commissariat des Nations Unies pour les réfugiés, au moins 250 000 Vietnamiens sont décédés en mer au cours de cet exode en raison notamment des noyades, de la maladie, de la famine et des violences liées aux enlèvements ou aux actes de piraterie;

Xét rằng, Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc đã báo cáo rằng có ít nhất 250,000 người Việt Nam thiệt mạng trên biển cả trong cuộc di cư vì những lý do như chết đuối, bệnh tật, đói khát và bạo lực xảy ra từ các vụ bắt cóc hoặc cướp biển;

que, grâce aux efforts des familles canadiennes et à ceux des groupes religieux, des organismes de bienfaisance et des organismes non gouvernementaux du Canada, le programme canadien de parrainage des réfugiés a permis d'accueillir au pays plus de 60 000 réfugiés vietnamiens, parmi lesquels, selon les estimations, 34 000 ont été parrainés par des organismes du secteur privé et 26 000 ont reçu l'aide du gouvernement canadien;

que le Haut Commissariat des Nations Unies pour les réfugiés a reconnu la contribution importante et soutenue de la population canadienne à la cause des réfugiés lorsqu'il a décerné la distinction Nansen pour les réfugiés au « peuple canadien » en 1986;

qu'il convient de désigner le 30 avril — que de nombreux membres de la communauté des Vietnamiens déplacés et leurs familles au Canada reconnaissent déjà comme « jour de l'Avril noir » ou encore comme « Journée du Parcours vers la liberté » — en tant que journée pour commémorer les vies perdues et la souffrance vécue lors de l'exode du peuple vietnamien, souligner l'accueil des réfugiés vietnamiens par la population et le gouvernement du Canada et la gratitude du peuple vietnamien à l'égard de cet accueil, et reconnaître les contributions apportées par les Vietnamo-Canadiens — aujourd'hui au nombre d'environ 300 000 — à la société canadienne,

Sa Majesté, sur l'avis et avec le consentement du Sénat et la Chambre des communes du Canada,

TITRE ABRÉGÉ

Titre abrégé

1. Loi sur la Journée du Parcours vers la liberté

JOURNÉE DU PARCOURS VERS LA LIBERTÉ

Journée du Parcours vers la liberté

2. Throughout Canada, in each and every year, the thirtieth day of April shall be known as "Journey to Freedom Day".

Xét rằng, chương trình bảo trợ tỵ nạn tại Canada, được trợ giúp bởi nỗ lực của các gia đình người Canada, các tổ chức từ thiện Canada, các nhóm tôn giáo và các tổ chức không-thuộc-chính-phủ, đã đóng góp vào việc chấp nhận hơn 60,000 người tỵ nạn Việt Nam vào Canada, trong đó ước tính có 34,000 người được tư nhân bảo trợ và 26,000 người được trợ giúp bởi chính phủ Canada;

Xét rằng, sự đóng góp quan trọng và lâu dài của dân chúng Canada đối với nguyên nhân tỵ nạn đã được công nhận bởi Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hợp Quốc khi trao Giải Thưởng Tỵ Nạn Nansen cho "Dân Chúng Canada" vào năm 1986;

Và xét rằng ngày 30 tháng 4 được nhiều người trong cộng đồng của người Việt Nam di tản và gia đình của họ tại Canada gọi là "Ngày Tháng Tư Đen", hay gọi cách khác là "Ngày Hành Trình Tìm Tự Do", và do đó, là một ngày lễ thích hợp để chỉ định như một ngày để nhớ và tưởng niệm cho những người đã mất và những đau khổ đã trải qua trong cuộc di cư của người Việt Nam, cho sự chấp nhận của người tỵ nạn Việt Nam tại Canada, cho lòng tri ân của người Việt Nam đối với dân chúng Canada và chính phủ Canada đã tiếp nhận họ, và cho các đóng góp của người Canada gốc Việt – dân số đến nay là khoảng 300,000 người – vào xã hội Canada;

Do đó, Nữ Hoàng, căn cứ bởi vào cố vấn và đồng thuận của Thượng Nghị Viện và Hạ Nghị Viện Canada, nay ban hành đạo luật sau đây:

TỰA ĐỀ NGẮN GỌN

1. Đạo Luật này có thể được trích dẫn là *Đạo Luật Ngày Hành Trình Tìm Tự Do*

Tựa đề ngắn gọn

NGÀY HÀNH TRÌNH TÌM TỰ DO

2. Khắp đất nước Canada, hàng năm và mỗi năm, ngày thứ ba mươi của tháng tư được biết đến là "Ngày Hành Trình Tìm Tự Do".

Ngày hành trình Tìm tự do

Statut

3. Il est entendu que la Journée du Parcours vers la liberté n'est pas une fête légale ni un jour non juridique.

3. Để chắc chắn hơn, Ngày Hành Trình Tìm Tự Do không phải là một ngày lễ luật định được nghỉ hợp pháp.

Không phải là một ngày lễ luật định

Disponible sur le site Web du Parlement du Canada à l'adresse suivante:
Đạo luật có đăng tại web site của Quốc Hội Canada theo địa chỉ sau đây:
<http://www.parl.gc.ca>